TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tư do - Hanh phúc

Bản án số:40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Giảng Trường

2. Ông Kiều Văn Dậu

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên

Trong ngày ngày 18/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T - Sinh năm 1979 - Có mặt

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Chị Mẫn Thị T - Sinh năm 1980 - Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh kết hôn với chị Mẫn Thị T1 vào năm 2001. Việc kết hôn dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Môn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phat sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, chị T1 có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác rồi mang kinh tế đi và phá tán tài sản của vợ chồng. Anh đã làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vào năm 2007. Sau khi hòa giải, vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 01/2017 vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm

từ đó đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/01/2000, Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/01/2002, Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/8/2005. Hiện các con đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Chị Mẫn Thị T1 trình bày: Chị thừa nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như anh T khai là đúng. Theo chị, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc làm ăn của vợ chồng khó khăn, quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều bất đồng, anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 02/2017. Nay anh T xin ly hôn, quan điểm của chị như sau: Chấp nhận để anh T ngoại tình, vợ chồng sống ly thân, chị không muốn ly hôn vì nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/01/2000, Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/01/2002, Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/8/2005. Hiện các con đang ở với anh T, ly hôn chị xin được nuôi 03 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh T vẫn giữ nguyên đề nghị được ly hôn chị T1, không yêu cầu giải quyết về tài sản, xin được nuôi cả 03 con.

Chị T1 khẳng định chị không còn tình cảm, chị không có cách gì để níu kéo anh T trở lại. Chị thường xuyên vắng nhà do phải làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc con chung nên nếu ly hôn sẽ không tốt cho đời sống của các con.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T, cho anh T được ly hôn chị T1. Về

con chung: Giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Tài sản, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T1 đề nghị không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T kết hôn với chị Mẫn Thị T1 vào năm 2001, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong các buổi làm việc anh T và chị T1 đều khai và xác định quan điểm sống của hai người có nhiều bất đồng, hai bên đều đổ lỗi cho nhau là có quan hệ ngoại tình; Năm 2007 vợ chồng đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Phong. Sau khi hòa giải, vợ chồng về đoàn tụ, nhưng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay mà không có biện pháp gì để khắc phục. Chị T1 chấp nhận sống ly thân, nhưng không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến các con. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Do vậy, đơn ly hôn của anh T là có căn cứ được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/01/2000, Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/01/2002, Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/8/2005. Hiện các con đang ở với anh T và bố, mẹ anh T. Nguyện vọng của anh T xin nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng. Xem xét nguyện vọng của các con đều xin ở với anh T. Anh T ở cùng bố, mẹ có nơi ăn ở, các cháu được chăm sóc học hành đầy đủ. Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp về thu nhập, về khả năng kinh tế để nuôi dạy con tốt nhất. Đến nay không bên nào cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Kết quả xác minh tại địa phương nơi anh T, chị T1 sinh sống và các con của anh, chị đang học tập thể hiện: Anh T và các con đang sống cùng anh T và bố, mẹ anh T. Ông, bà có thu nhập từ lương, có nhà ở đảm bảo, các cháu ăn học đầy đủ, còn chị T1 bỏ nhà đi đâu không biết. Tại phiên tòa chị T1 cũng thừa nhận chị thường xuyên không có nhà do phải làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc con. Xét để đảm bảo quyền lợi của các con của anh, chị và sự chăm sóc nuôi dưỡng tốt nhất. HĐXX xét cần giao cả 03 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không xem xét do anh T không yêu cầu. Chị T1 có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T1, HĐXX không xem xét do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T. Cho anh T được ly hôn chị Mẫn Thị T1.

Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/01/2000, Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/01/2002, Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/8/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con không xem xét giải quyết do anh T không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T1 do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003564 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh T được khấu trừ vào tiền án phí mà anh phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.